

Giu-se Lê Minh Thông, O.P.

**Phân tích thuật chuyện
và phân tích cấu trúc
áp dụng vào
Tin Mừng thứ tư**

Trung Tâm Học Vấn Đa-Minh

2008

Cha Giám Tỉnh Dòng Đa-Minh:
Giu-se Ngô Sĩ Đình
đã xét duyệt và chấp thuận
ngày 30 tháng 07 năm 2008.

Cùng tác giả:

- [2008] *Tin Mừng thứ tư song ngữ Hy-lạp – Việt*
281 tr.
- [2008] *Tin Mừng Mác-cô song ngữ Hy-lạp – Việt*
265 tr.

Lời nói đầu

Tiếp theo tài liệu *Tin Mừng thứ tư song ngữ Hy-lạp – Việt* (2008) là các lối *Phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc áp dụng vào Tin Mừng thứ tư*. Tập sách này thu thập các bài thuyết trình (2004-2005) và bài viết trong Nội san *Chia sẻ*, số 49 (3/2006), tr. 33-60. Các bài này được sắp xếp lại, triển khai thêm và trình bày thành hai mục lớn: Phần A là lý thuyết về tiếp cận lịch đại, đồng đại, và hai cách phân tích thuật chuyện, phân tích cấu trúc. Phần B là áp dụng hai cách phân tích này vào ba đoạn văn trong Tin Mừng thứ tư:

- 6,22-71: “Thánh thể”, lý trí và đức tin
- 11,1-54: “Chết” và “sống”
- 18,28–19,16a: Đức Giê-su và Phi-la-tô

Lý thuyết và áp dụng bổ túc cho nhau, có thể đọc lướt qua phần lý thuyết và đọc kỹ phần áp dụng, sau đó xem lại phần lý thuyết để hiểu rõ hơn phương pháp. *Bản văn song ngữ Tin Mừng thứ tư* giúp người đọc tiếp cận bản văn gốc Hy-lạp, tập sách này là *phương pháp đọc* để tìm ra ý nghĩa của bản văn. Mục đích của việc áp dụng phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc là giúp người đọc tìm ra trong bản văn những nét độc đáo, mới mẻ mà những cách đọc trước đây chưa chú trọng đến. Đồng thời ý nghĩa bản văn lại tác động trở

lại và làm cho cuộc sống của người đọc thêm phong phú. Vì thế đọc một bản văn không chỉ là để có kiến thức, mà bản văn còn là lời chất vấn, lời động viên, lời hy vọng, và ý nghĩa của bản văn có thể đem lại niềm vui và thú vị cho người đọc. Biết cách đọc, độc giả được nuôi dưỡng nhờ bản văn.

Việc áp dụng phương pháp xem ra phức tạp và trải qua nhiều giai đoạn, thực ra người đọc có thể áp dụng cách uyển chuyển tùy theo thời gian cho phép. Có thể dành ra 10 giờ để tìm bối cảnh văn chương một đoạn văn, nhưng cũng có thể chỉ cần 15-30 phút. Tùy theo thời gian cho phép, người đọc có thể cần vài giờ, vài ngày, vài tuần, thậm chí vài tháng để hoàn chỉnh việc phân tích một đoạn văn. Dù thời gian ngắn hay dài, cũng cần theo các bước trình bày trong phần lý thuyết để tránh lạc đề, hay áp đặt những kiến thức có trước của người đọc vào bản văn, trong khi bối cảnh văn chương của đoạn văn không cho phép nói như thế. Phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc không đòi hỏi những kiến thức uyên thâm về lịch sử hay về Kinh thánh nên mọi người đều có thể áp dụng.

Lý thuyết giúp hiểu bản văn, nhưng người đọc chỉ khám phá được một phần ý nghĩa chứ chưa phải là toàn bộ ý nghĩa của bản văn. Mỗi lần đọc bản văn, độc giả có thể tìm ra những điều mới mẻ, hay hiểu sâu hơn điều mình đã biết trước đó. Bản văn không thay đổi nhưng lại có nhiều đề tài, nhiều vấn đề cần được tìm hiểu, phân tích, đào sâu. Thêm vào đó, cuộc sống của

người đọc lại tiến triển không ngừng. Cùng một đoạn văn, nhưng tùy theo tâm trạng (vui, buồn, khó khăn, thử thách), người đọc có thể tìm ra những ý nghĩa khác nhau trong đoạn văn phù hợp với sự tìm kiếm của mình. Vì thế *đọc bản văn* là việc làm không bao giờ xong, không bao giờ kết thúc, bao lâu người đọc còn muốn tìm kiếm câu trả lời cho ý nghĩa cuộc đời, và muốn làm cho cuộc sống của mình thêm phong phú.

Phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc hiện nay đang được áp dụng rộng rãi trong việc dạy và học Kinh Thánh. Hai cách phân tích này là một trong nhiều phương pháp đọc bản văn đã được trình bày trong tài liệu của Ủy Ban Kinh Thánh Giáo Hoàng về *Việc giải thích Kinh Thánh trong Giáo Hội* (1993).

Những trình bày trong tập sách này về tiếp cận lịch đại và tiếp cận đồng đại, về phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc, mới chỉ là sơ lược về lý thuyết và áp dụng, mong được góp phần nhỏ vào việc tìm hiểu và học hỏi Lời Chúa của mọi người. Rất mong được sự chia sẻ và góp ý của độc giả để những giải thích trong phần lý thuyết được rõ ràng, dễ hiểu và phần áp dụng được thiết thực, gần gũi với cuộc sống hơn.

Giu-se Lê Minh Thông, O.P.

Email: minhthong.le@gmail.com

A. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BẢN VĂN

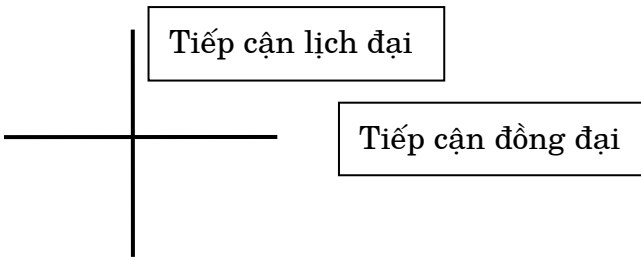
Phần lý thuyết sẽ bàn đến trước hết là (I) Tiếp cận lịch đại (*approche diachronique*) với những hạn chế của nó, và khái quát về tiếp cận đồng đại (*approche synchronique*); kế đến là (II) Tiếp cận đồng đại với hai cách phân tích: Phân tích thuật chuyện (*analyse narrative*) và phân tích cấu trúc (*analyse structurelle*); cuối cùng là (III) Kết luận về hai cách tiếp cận lịch đại và đồng đại.

I. Tiếp cận lịch đại và tiếp cận đồng đại

Phần này trình bày sơ lược về phương pháp phê bình lịch sử, thuộc lãnh vực tiếp cận lịch đại với những hạn chế của phương pháp này; tiếp đến là xu hướng hiện nay trong việc áp dụng các lối phân tích văn chương: Phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc. Các lối phân tích này thuộc lãnh vực tiếp cận đồng đại.

Tài liệu của Ủy Ban Kinh Thánh Giáo Hoàng về *Việc giải thích Kinh Thánh trong Giáo Hội* (1993), đã trình bày tổng quát về các phương pháp đọc Kinh Thánh, đồng thời nêu lên những khó khăn mà phương pháp phê bình lịch sử gặp phải, cũng như bàn đến sự

xuất hiện những cách giải thích Kinh Thánh mới.¹ Nói chung, các phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh được xếp vào hai loại: Tiếp cận lịch đại, *xuyên thời gian* (approche diachronique) và tiếp cận đồng đại, *đồng thời gian* (approche synchronique). Sự khác nhau giữa hai cách tiếp cận này có thể biểu thị bằng hai đường cắt nhau. Trục đứng diễn tả tiếp cận lịch đại, có mục đích nghiên cứu bản văn trong bề dày lịch sử của nó. Trục ngang diễn tả tiếp cận đồng đại, chú trọng đến ý nghĩa của bản văn qua việc phân tích chính bản văn và ít chú trọng đến những ám chỉ lịch sử trong bản văn.



Để hiểu rõ hơn hai cách tiếp cận trên có thể lấy một bức tranh làm ví dụ. Đứng trước một bức tranh, có hai câu hỏi chính được đặt ra cho người xem. Câu hỏi thứ nhất: Bức tranh nói lên điều gì? (Ce dont il parle). Để trả lời, người ta tìm hiểu bức tranh đó do ai vẽ, vẽ ở đâu, trong hoàn cảnh và với tâm trạng nào của họa sĩ.

¹ Cf. ỦY BAN KINH THÁNH GIÁO HOÀNG, *Việc giải thích Kinh Thánh trong Giáo Hội*, (dịch giả: Giu-se Nguyễn Tất Trung), Học Viện Đa-Minh, 2004, tr. 29-33.

Như thế, bức tranh được xem như một tài liệu lịch sử. Nhờ bức tranh, người ta đi tìm lịch sử của chính bức tranh hay cuộc đời của họa sĩ. Cách đặt câu hỏi như trên thuộc lãnh vực của nghiên cứu lịch đại. Người ta đặt bản văn trong bối cảnh lịch sử của nó để đi tìm quá trình hình thành bản văn, hay sự tương quan giữa các bản văn với nhau trong môi trường chúng được hình thành.

Cũng bức tranh nói trên, cách đặt câu hỏi thứ hai: Bức tranh vẽ gì, vẽ thế nào và vẽ bằng cách nào? Người ta sẽ phân tích vai trò của các màu sắc, góc nhìn, độ sáng, tối của bức tranh để tìm ra ý nghĩa mà bức tranh muốn chuyển tải đến người xem. Như thế người xem chú trọng đến chính bức tranh và các chất liệu tạo nên nó chứ không đi tìm lịch sử của bức tranh hay tâm trạng của họa sĩ khi vẽ bức tranh đó. Đây là quan điểm của tiếp cận đồng đại. Cách tiếp cận này ít quan tâm đến những đối chiếu lịch sử của bản văn, không xem bản văn như một tài liệu, mà xem bản văn như là một toà nhà, một thế giới để khám phá.

Tiếp cận đồng đại chú trọng đến chất liệu của bản văn (ngôn từ, câu cú, nhân vật, cấu trúc...) nhằm trả lời hai câu hỏi: (1) Bản văn nói gì (ce qu'il dit) và (2) nói như thế nào (comment il le dit)? Câu hỏi không ngừng được đặt ra trong cách tiếp cận đồng đại (phân tích văn chương): Đây là chứng cứ trong bản văn cho phép người đọc khẳng định điều đó? Câu hỏi này giúp người đọc không áp đặt những kiến thức có trước vào

bản văn và không đưa ra những kết luận xa lạ với bản văn, vì bản văn không nói đến điều đó.

Phần trình bày các lãnh vực nghiên cứu lịch đại sau đây sẽ giúp hiểu rõ hơn phương pháp phê bình lịch sử và những hạn chế của nó.

1. Tiếp cận lịch đại và những hạn chế

Bắt nguồn từ cố gắng đặt bản văn vào bối cảnh lịch sử của nó, tiếp cận lịch đại nghiên cứu lịch sử của bản văn trong bốn lãnh vực chính:

1. *Liên hệ giữa các bản văn.* Tin Mừng thứ tư độc lập hay lệ thuộc các Tin Mừng Nhất lãm?
2. *Các nguồn tài liệu.* Tác giả Tin Mừng thứ tư có sử dụng nguồn tài liệu có sẵn để viết Tin Mừng không?
3. *Lịch sử hình thành bản văn.* Đây là các giai đoạn biên soạn của Tin Mừng thứ tư?
4. *Cộng đoàn nơi bản văn hình thành.* Có thể nói gì về cộng đoàn Gio-an là cộng đoàn đã cru mang và đón nhận sách Tin Mừng thứ tư?

Tiếp cận lịch đại áp dụng phương pháp phê bình lịch sử. Phương pháp này đạt tới thời hoàng kim vào những thập niên 1960-70, nhưng hiện nay đang gặp không ít khó khăn. Trong những thập niên vừa qua, phương pháp phê bình lịch sử đã “bị đem ra đặt vấn

đề”.² Đây là những giới hạn của phương pháp phê bình lịch sử trong việc nghiên cứu Tin Mừng thứ tư? Bài viết của M. Gourgues: “50 năm nghiên cứu Tin Mừng Gio-an, từ Bultmann đến tiếp cận thuật chuyên”³, cho thấy sự phức tạp và những hạn chế của nghiên cứu lịch đại trong ba lãnh vực: (1) Tương quan giữa Tin Mừng thứ tư và Tin Mừng Nhất lãm; (2) Tài liệu nguồn các dấu lạ của Tin Mừng thứ tư, và (3) Lịch sử biên soạn Tin Mừng này. Đồng thời M. Gourgues cũng trình bày xu hướng hiện nay: Áp dụng tiếp cận đồng đại (phân tích văn chương) vào nghiên cứu Kinh Thánh.

a. Tin Mừng thứ tư và Nhất lãm

Vào những thập niên 1920 và 1930, người ta cho rằng Tin Mừng thứ tư lệ thuộc vào các sách Tin Mừng Nhất lãm. Đến năm 1941, R. Bultmann đưa ra luận

² “Đúng vào lúc phương pháp khoa học phổ biến nhất, tức là phương pháp ‘phê bình lịch sử’, đang được áp dụng trong khoa chú giải, kể cả chú giải công giáo, thì phương pháp này lại bị đem ra đặt vấn đề” (ỦY BAN KINH THÁNH GIÁO HOÀNG, *Việc giải thích Kinh Thánh trong Giáo Hội*, tr. 31).

³ M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, in M. GOURGUES; L. LABERGE, (éd.), “*De bien des manières*”: *La recherche biblique aux abords du XXI^e siècle*, Actes du cinquantenaire de l’ACEBAC (1943-1993), (LeDiv 163), Montréal–Paris, Fides–Le Cerf, 1995, p. 229-306.

điểm: Tin Mừng thứ tư độc lập với Nhất lãm.⁴ Trong suốt 35 năm (1941-1975), lập trường này được phần lớn các nhà chuyên môn chấp nhận. Nhưng đến năm 1975, luận điểm về sự lệ thuộc của Tin Mừng thứ tư vào Tin Mừng Nhất lãm lại nổi lên và đã gây ra nhiều tranh luận. Họ cho rằng nếu Tin Mừng thứ tư không lệ thuộc trực tiếp Nhất lãm thì cũng lệ thuộc vào các nguồn tài liệu của Nhất lãm.⁵

Xu hướng chung hiện nay là đề cao sự khác biệt độc đáo của Tin Mừng thứ tư so với Tin Mừng Nhất lãm, nhưng người ta không đi sâu vào những tranh luận chi tiết mà cả hai phe đều không có câu trả lời chắc chắn. Phe cho rằng: Tin Mừng thứ tư lệ thuộc Nhất lãm thì đề cao những điểm giống nhau giữa Tin Mừng thứ tư và Tin Mừng Nhất lãm, ngược lại phe cho rằng: Tin Mừng thứ tư không lệ thuộc Nhất lãm lại đề cao những điểm khác nhau. Năm 1982, D. M. Smith đưa ra nhận xét không kém phần mỉa mai trước sự bế tắc của vấn đề *Tin Mừng thứ tư lệ thuộc hay độc lập với Nhất lãm* như sau: “Sự bí ẩn trong tương quan giữa Tin Mừng Gio-an và truyền thống Nhất lãm tiếp tục chia rẽ các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên có hai điều chắc chắn: Một là có sự tương quan giữa Tin Mừng Gio-an và Tin

⁴ Cf. R. BULTMANN, *The Gospel of John, A Commentary*, Oxford, Basil Blackwell, (1941), 1971.

⁵ Cf. M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, p. 231-239.

Mừng Nhất lãm, hai là sự tương quan này là một bí ẩn.”⁶ Nhận xét này cho thấy sự khó khăn của ngành phê bình lịch sử, vì kết quả 50 nghiên cứu lịch đại thật ít ỏi, nếu không muốn nói là chưa giải quyết được gì cho vấn đề tương quan giữa Tin Mừng thứ tư và Nhất lãm. Tiếp cận lịch đại đã gặp nhiều khó khăn trong việc đưa ra câu trả lời thoả đáng cho vấn đề này.

b. Tài liệu nguồn của Tin Mừng thứ tư

R. Bultmann cũng là người tiên phong đưa ra lý thuyết về các *nguồn* (sources) của Tin Mừng thứ tư. Theo tác giả này, Tin Mừng thứ tư được hình thành ít nhất từ ba nguồn văn bản: (1) *Nguồn các dấu lạ*; (2) *Nguồn các điển từ* và (3) *Nguồn trình thuật Thương khó và Phục sinh*. Nhưng lý thuyết này đã bị tranh cãi từ lúc nó ra đời cho đến nay.

Năm 1951, E. Ruckstuhl bác bỏ lý thuyết về ba nguồn văn bản của R. Bultmann bằng cách đưa ra lý thuyết về sự thống nhất văn chương của Tin Mừng thứ

⁶ “Le mystère du rapport de Jean à la tradition synoptique peut toujours continuer de diviser les chercheurs, mais deux choses sont certains: il existe un rapport et il est mystérieux” (D. M. SMITH, “John and the Synoptics”, *Bib.* 63 (1982) p. 113). Trích dẫn tiếng Pháp này lấy trong M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, p. 239.

tu. Lý thuyết của E. Ruckstuhl⁷ đã làm dấy nên một phong trào đi ngược lại lý thuyết của R. Bultmann. Đến đầu thập niên 1970, R. T. Fortna lại bênh vực lý thuyết của R. Bultmann bằng cách dựa vào những dị thường trong Tin Mừng thứ tư, được gọi là “những khó khăn nan giải” (les apories).⁸ Chẳng hạn ch. 14 kết thúc với lời Đức Giê-su: “Hãy đứng dậy, chúng ta đi khỏi đây!” (14,31)⁹ nhưng chẳng có ai đi cả, Đức Giê-su còn tiếp tục nói thêm ba chương nữa (Ga 15–17) rồi mới đi. R. T. Fortna dựa vào những sự bất thường văn chương trong Tin Mừng thứ tư để gỡ bỏ những nối kết giữa các dấu lạ và các diễn từ đi kèm theo các dấu lạ,¹⁰ từ đó tác giả đưa ra một sưu tập những dấu lạ.

⁷ Cf. E. RUCKSTUHL, *Die literarische Einheit des Johannesevangeliums. Der gegenwertige Stand der einschlagigen Forschungen*, (Novum Testamentum und Orbis Antiquus, 5), Fribourg, Universitätsverlag; Gotingen, Vandenhoeck und Ruprecht, (1951), 1987.

⁸ Cf. R. T. FORTNA, *The Gospel of Signs. A Reconstruction of the Narrative Source Underlying the Fourth Gospel*, (SNTS.MS 11), Cambridge, University Press, 1970.

⁹ Các trích dẫn bản văn của Tin Mừng thứ tư được lấy trong Giu-se LÊ MINH THÔNG, *Tin Mừng thứ tư song ngữ Hy-lạp – Việt*, Trung Tâm Học Vấn Đa-Minh, 2008.

¹⁰ Trong Tin Mừng thứ tư, Đức Giê-su thường làm dấu lạ và tiếp theo là diễn từ nhằm giải thích ý nghĩa của dấu lạ đó (cf. Ga 5; 6; 9).

Nhưng càng đi vào chi tiết, sự bất đồng về *Nguồn các dấu lạ* càng lớn. Có tác giả cho rằng: Bảy dấu lạ trong Tin Mừng thứ tư thuộc về *Nguồn các dấu lạ*,¹¹ tác giả khác lại nói: Chỉ có hai dấu lạ;¹² tác giả khác nữa lại đưa ra quan điểm: Chỉ có ba dấu lạ thuộc về *Nguồn các dấu lạ*.¹³

M. Gourgues nhận định về vấn đề này như sau: “Vào năm 1987, sau hơn 45 năm nghiên cứu về nguồn các dấu lạ (*Semeia-Quelle*), kể từ Bultmann, một tác phẩm nghiên cứu đặc biệt về các dấu lạ trong Tin Mừng Gio-an¹⁴ đã hoàn toàn loại bỏ giả thuyết này, điều này cho thấy sự mong manh của những kết quả

¹¹ Cf. R. SCHNACKENBURG, *The Gospel According to St. John*, t. I, *Introduction and Commentary on Chapter 1-4*, (1965), 1980, p. 64-67.

¹² Đó là hai dấu lạ ở Ca-na: 2,11 và 4,54, cf. H. M. TEMPLE, *The Core of the Fourth Gospel*, Londres-Oxford, Mowbrays, 1975, p. 41-44.

¹³ Ba dấu lạ này ở Ga 2,2-11; 4,46-54; 21,1-14, cf. H. P. HEEKERENS, *Die Zeichen-Quelle der johanneischen Redaktion: Ein Betrag zur Entstehungsgeschichte des vierten Evangeliums*, (Stuttgarter Bibelstudien 13), Stuttgart, Verlag Katholisches Bibelwerk, 1984.

¹⁴ W. J. BITTNER, *Jesus Zeichen im Johannesevangelium*, (WUNT, 2/26), Tübingen, Mohr (Siebeck), 1987.

đã đạt được.”¹⁵ R. E. Brown nhận xét tác phẩm của W. J. Bittner: “Từ tác phẩm này đã nảy sinh một phong trào mạnh mẽ loại bỏ giả thuyết về nguồn các dấu lạ hay Tin Mừng nguyên thủy.”¹⁶ Giả thuyết về *Tin Mừng nguyên thủy* cho rằng: Trước khi có Tin Mừng thứ tư hiện nay, đã có một bản văn Tin Mừng hoàn chỉnh với kết luận ở 20,30-31, Tin Mừng nguyên thủy này chỉ là giả thuyết vì không có chứng cứ văn bản.

Năm 1991, E. Ruckstuhl và P. Dschulnigg¹⁷ lại đưa ra danh sách 153 đặc điểm văn phong của Tin Mừng

¹⁵ “En 1987, après plus de 45 ans de recherche post-bultmannienne sur la *Semeia-Quelle*, un ouvrage portant spécifiquement sur les signes johanniques, rejetait entièrement l’hypothèse, ce qui témoigne assez de la précarité des acquis” (M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, p. 244).

¹⁶ “It joins a strong current movement rejecting a proposed pre-Johannic Signs-source or gospel” (R. E. BROWN điểm sách của W. J. BITTNER *Jesus Zeichen im Johannesevangelium*, 1987, trong tạp chí *CBQ* 51 (1989) p. 147), cf. M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, n. 61, p. 244.

¹⁷ E. RUCKSTUHL; P. DSCHULNIGG, *Stilkritik und Verfasserfrage im Johannesevangelium. Die johanneischen Sprachmerkmale auf dem Hintergrund des Neuen Testaments und des zeitgenössischen hellenistischen Schriftums*, Fribourg, Universitätsverlag; Göttingen, Vandenhoeck und Ruprecht, 1991.

thứ tư để bảo vệ luận điểm về sự thống nhất văn chương của Tin Mừng này. Hai tác giả này tin tưởng hơn bao giờ hết về tính thống nhất văn chương và sự duy nhất về tác giả của Tin Mừng thứ tư.¹⁸ “Sự thống nhất văn chương không nhất thiết loại trừ việc sử dụng nguồn tài liệu, nhưng nó làm cho không thể tìm lại được những nguồn tài liệu đó.”¹⁹ Hai tác giả E. Ruckstuhl và P. Dschulnigg còn nhận định rằng: “Theo đuổi việc tìm kiếm nguồn tài liệu của Tin Mừng thứ tư là một việc làm không có tương lai.”²⁰

Tóm lại, nghiên cứu lịch đại về tương quan giữa Tin Mừng thứ tư và Nhất lãm cũng như về tài liệu nguồn của Tin Mừng thứ tư đang gặp nhiều tranh cãi, thậm chí bế tắc trong việc đưa ra câu trả lời.

¹⁸ M. Gourgues viết về lập trường của hai tác giả này như sau: “E. Ruckstuhl, avec la collaboration de P. Dschulnigg, a fait paraître une nouvelle liste des caractéristiques stylistiques de Jean, en en portant le nombre à 153 et en concluant, avec plus de conviction que jamais, à l’unité littéraire et à l’unicité d’auteur de l’évangile” (M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, p. 247).

¹⁹ “L’unité littéraire, il est vrai, n’exclut pas nécessairement l’utilisation de sources mais elle rend impossible de les retrouver” (M. GOURGUES, *Op. cit.*, p. 247).

²⁰ “Sans avenir la poursuite d’une quête des sources du quatrième évangile” (trích dẫn lấy trong M. GOURGUES, *Op. cit.*, p. 248).

c. Lịch sử biên soạn Tin Mừng thứ tư

M.-É. Boismard và A. Lamouille²¹ đưa ra lý thuyết về bốn giai đoạn biên soạn Tin Mừng thứ tư (les couches rédactionnelles) như sau: Tài liệu cổ nhất của Tin Mừng thứ tư gọi là “tài liệu C” (document C), độc lập với Tin Mừng Nhất lãm và đã có cấu trúc của một Tin Mừng. Dựa trên “tài liệu C” này, một tác giả thứ hai đã soạn thảo lại “tài liệu C” trong hai giai đoạn, gọi là “Ga II-A” và “Ga II-B”. Cuối cùng một tác giả thứ ba gọi là “Ga III”, thuộc trường phái Gio-an, biên soạn lại, sắp xếp lại, bỏ bớt hay thêm vào bản văn của “Ga II-B” để làm thành Tin Mừng Gio-an như chúng ta có hiện nay.

Chẳng hạn, theo lập luận của M.-É. Boismard và A. Lamouille, đoạn Tin Mừng Ga 3,1-36 được chia ra như sau: Ga 3,1-3.9-10.31-34 thuộc “Ga II-A”, và Ga 3,4-8.11-13 thuộc “Ga II-B”. Sau khi phân tích, M.-É. Boismard và A. Lamouille kết luận: “Những câu 31b-34 là của ‘Ga II-A’, khởi đầu những câu này tiếp nối các c. 1-3.9-10. Sau đó ‘Ga II-B’ đã thay thế các c. 31b-34 bằng 3,11-13. Chính ‘Ga III’ là người đã lấy lại bản văn ‘Ga II-A’ để làm nên bản văn hiện nay. ‘Ga III’ đã

²¹ Cf. M.-É. BOISMARD; A. LAMOUILLE, *Synopse des quatre évangiles en français, l'évangile de Jean*, t. III, Paris, Le Cerf, 1977.

thêm vào c. 31a để nối kết những c. 27-30 và 31b-34.”²²
Đọc qua cũng đã thấy sự phức tạp và tính chủ quan của lý thuyết trên về các giai đoạn biên soạn.

Lý thuyết của M.-É. Boismard và A. Lamouille không được đón nhận vì sự chủ quan của nó. Không những các tiêu chuẩn để tìm ra câu nào “cũ” câu nào “mới”, câu nào biên soạn trước, câu nào biên soạn sau, đã mang tính chủ quan mà việc áp dụng những tiêu chuẩn để tìm ra các giai đoạn biên soạn cũng thiếu cơ sở để đưa ra những kết luận chắc chắn. Vì thế phần lớn công trình của M.-É. Boismard và A. Lamouille được xây dựng trên giả thuyết và chỉ là một trong những giả thuyết mà thôi.

Năm 1966, R. E. Brown đưa ra giả thuyết Tin Mừng thứ tư được hình thành trong năm giai đoạn,²³ đến năm 1998, tác giả này thu gọn lại chỉ còn ba giai

²² “Les vv. 31b-34 sont de Jean II-A et suivraient primitivement des vv. 1-3.9-10 (*cf. supra*). Puisque Jean II-B les avait *remplacés* par les vv. 11-13 (*cf. supra*), c’est Jean III qui les a repris du texte de Jean II-A pour les insérer dans leur contexte actuel. Il a alors composé le v. 31a pour faire le lien entre les vv. 27-30 et 31b-34” (M.-É. BOISMARD; A. LAMOUILLE, *Op. cit.*, p. 117).

²³ Cf. R. E. BROWN, *The Gospel According to John, I–XII*, vol. I, (AB 29), 1966.

đoạn.²⁴ Lý thuyết của R. E. Brown được nhiều người đón nhận vì tác giả chỉ đề nghị các giai đoạn biên soạn chứ không đi vào chi tiết và cắt xén bản văn như M.-É. Boismard và A. Lamouille đã làm.

Cách M.-É. Boismard và A. Lamouille phân ra các *tầng lớp biên soạn* (les couches rédactionnelles) như trên bị các nhà nhiên cứu Kinh Thánh phê bình là cắt xén bản văn ra từng mảnh. Cắt chỗ này ráp vào chỗ kia sẽ tạo ra một tài liệu tưởng tượng, xa rời kết cấu của bản văn hiện có, trong khi chỉ bản văn Tin Mừng thứ tư, theo thứ tự các chương như hiện nay, mới được

²⁴ Cf. R. E. BROWN, Edited by F. J. MOLONEY, *An Introduction to the Gospel of John*, (ABRL), New York (NJ), Doubleday, 2003.

F. J. Moloney viết về sự tiến triển tư tưởng của R. E. Brown như sau: “In the 1966 commentary, before his work on the history of the Johannine community, Brown had suggested five-stage theory for the development of the Gospel. Since that time, much has been done, and especially by Brown himself, to reconstruct the history of the Johannine community. In this new edition, Brown associates a theory of composition, distilled from the strengths and weaknesses of those who have gone before him, with the more recent speculations upon the history of the community. This process leads him to propose a three-stage development that produced the Gospel as we now have it” (R. E. BROWN, Edited by F. J. MOLONEY, *An Introduction to the Gospel of John*, p. 4).

gọi là Tin Mừng. Về điểm này, M. Gourgues nhận xét: Cũng như lý thuyết về *nguồn các dấu lạ*, việc đi tìm các giai đoạn biên soạn của Tin Mừng thứ tư có thể xem là khoa học giả tưởng.²⁵

Hiện nay, hầu như không ai còn nghiên cứu các giai đoạn biên soạn Tin Mừng theo cách của M.-É. Boismard²⁶ và A. Lamouille nữa. Thay vì đi tìm những giai đoạn biên soạn, xu hướng hiện nay là dùng tiếp cận đồng đại để giải thích tại sao lại có những bất hợp lý (les apories) trong bản văn; tại sao Tin Mừng thứ tư lại có hai kết luận (Ga 20,30-31; 21,25) v.v...

Trước những khó khăn, phức tạp trong lối tiếp cận lịch đại, (thường gây tranh cãi hơn là đưa ra những trả lời thoả đáng), phần lớn các nhà Kinh thánh hiện nay áp dụng tiếp cận đồng đại vào việc giải thích Kinh Thánh.

²⁵ “Comme la théorie de la source des signes, elles prétendent pouvoir reconstituer le texte même des couches littéraires postulées. Une telle entreprise apparaîtra plus d’un comme révélant tout bonnement de la science-fiction” (M. GOURGUES, “Cinquante ans de recherche johannique: de Bultmann à la narratologie”, p. 252-253).

²⁶ Tuy lý thuyết về bốn giai đoạn biên soạn Tin Mừng thứ tư của cha M.-É. Boismard không được đón nhận, nhưng cha vẫn là một trong những tác giả có những đóng góp quan trọng trong lãnh vực nghiên cứu Kinh Thánh nói chung và Tin Mừng thứ tư nói riêng.